

Số: 147/2018/QĐST-DS

Củ Chi, ngày 26 tháng 4 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bị đơn: Ông P, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Đường N, tổ M, ấp Q, xã F, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà H1, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy hợp đồng mua bán đất ngày 27/4/2016 ký giữa ông P (bên bán) và ông H (bên mua).

2.2. Ghi nhận việc ông P tự nguyện hỗ trợ cho ông H, bà H1 số tiền 50,000,000đ (năm mươi triệu đồng).

2.3. Ông P phải thanh toán trả ông H, bà H1 số tiền gốc mua bán đất là 300,000,000 đồng, khoản tiền hỗ trợ do hủy hợp đồng mua bán đất là 50,000,000 đồng và khoản tiền gốc vay là 250,000,000 đồng; tổng cộng là 600,000,000đ (sáu trăm triệu đồng), trả trong thời hạn 75 tháng. Phương thức trả làm 75 đợt, cụ thể:

Ngày 17/5/2018 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);

Ngày 17/6/2018 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);

Ngày 17/7/2018 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);

2

Ngày 17/10/2021 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/11/2021 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/12/2021 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/01/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/02/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/3/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/4/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/5/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/6/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/7/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/8/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/9/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/10/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/11/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/12/2022 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/01/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/02/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/3/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/4/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/5/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/6/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/7/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/8/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/9/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/10/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/11/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/12/2023 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/01/2024 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/02/2024 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/3/2024 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/4/2024 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/5/2024 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/6/2024 trả số tiền 8,000,000đ (tám triệu đồng);
Ngày 17/7/2024 trả số tiền còn lại 8,000,000đ (tám triệu đồng).

Trường hợp ông P không thi hành theo thỏa thuận như trên thì ông H, bà H1 có quyền yêu cầu thi hành ngay một lần số tiền mà ông P còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 13,000,000đ (mười ba triệu đồng) ông P chịu, ông P chưa nộp án phí. Hoàn trả lại cho ông H số tiền đã nộp 13,000,000đ (mười ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0008240 ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính